

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2018

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Chính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Cừ

Ông Dương Cao Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân Thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 141/2017/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2017 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Võ Thanh N, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh - Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thị M, sinh năm 1956

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Võ Thanh N trình bày:

Anh và chị Dương Thị L kết hôn ngày 18/11/2008, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hoà thuận, tình cảm bình thường, nhưng đến năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hoà hợp, bất

đồng quan điểm. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, từ tháng 7/2013 vợ chồng ly thân, không còn quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng được gia đình, bạn bè khuyên giải nhiều nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung tên là Võ Dương Bảo N, sinh ngày 23/5/2009 và Võ Dương Huy H, sinh ngày 03/10/2013. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Võ Dương Bảo N, chị L trực tiếp nuôi dưỡng con Võ Dương Huy H, không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng:

Anh N giao lại cho chị Dương Thị L 01 xe máy tay ga, 01 chiếc máy tính xách tay, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt hiện đang ở bà Trịnh Thị M cho chị L sở hữu và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ: Ngày 19/6/2018, Anh N đã giao cho bà Trịnh Thị M 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), trong đó 20.000.000đ tiền anh nhận từ Toà án nhân dân huyện L và 30.000.000đ tiền hai vợ chồng vay bà M.

Tại Đơn trình bày, bị đơn chị Dương Thị L trình bày:

Chị và anh Võ Thanh N kết hôn ngày 18/11/2008, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố H. Do trong cuộc sống làm ăn gặp nhiều khó khăn nên chị phải đi làm ăn xa từ tháng 7/2013. Từ đó đến nay vợ chồng không chung sống với nhau, tuy nhiên chị vẫn còn tình cảm với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung như anh N trình bày. Con gái Võ Dương Bảo N sống với anh N từ khi chị đi đến nay. Còn con trai Võ Dương Huy H từ khi sinh ra tới nay sống với chị và hiện nay đang ở với mẹ đẻ của chị là bà Trịnh Thị M, con được bà chăm sóc nuôi dưỡng khôn lớn, anh N chưa chăm sóc nuôi dưỡng con ngày nào. Vì vậy, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con trai Võ Dương Huy H và yêu cầu anh N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung:

Trước khi kết hôn chị có 01 xe máy tay ga và 01 máy tính xách tay hiện nay anh N đang giữ, chị đề nghị anh N trả lại cho chị. Ngoài ra vợ chồng có 01 tủ lạnh, 01 máy giặt hiện đang ở nhà bà Trịnh Thị M.

Về nợ chung: Sau khi vợ chồng ly thân, tháng 11/2013 anh N có nhận số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tại Toà án nhân dân huyện L là tiền chị mượn bà Trịnh Thị M để mua bàn ghế cho Toà án huyện L.

Ngoài ra khi em trai chị mất (tháng 1/2013) thì số tiền cúng viếng và đền bù tổn thất do Công ty em chị đền bù là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), chị và anh N vay bà Trịnh Thị M, hiện nay chị không có giấy tờ gì chứng minh nhưng yêu cầu anh N có trách nhiệm với số tiền trên.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị M trình bày:

Việc vợ chồng ly hôn, và tài sản chung của vợ chồng bà không có ý kiến gì, nhưng về khoản nợ theo đơn trình bày của chị Dương Thị L, yêu cầu anh N thanh toán số tiền 20.000.000đ anh N nhận từ Tòa án nhân dân huyện L, đây là số tiền mà chị Dương Thị L vay bà. Về số nợ 500.000.000đ như L trình bày thì tùy vào lương tâm của anh N. Bà Trịnh Thị M không yêu cầu độc lập, đã tự thỏa thuận như anh N trình bày ở trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

+Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: cho anh Võ Thanh N được ly hôn với chị Dương Thị L.

+Về nuôi con chung: Giao anh Võ Thanh N trực tiếp nuôi con Võ Dương Bảo N. Giao chị Dương Thị L trực tiếp nuôi con Võ Dương Huy H. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

+Về nợ: Các đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Võ Thanh N khởi kiện xin ly hôn, giải quyết về nuôi con chung giữa anh và chị Dương Thị L (trú tại: Tổ 3, phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh). Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chị Dương Thị L là bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Dương Thị L.

[2] Về nội dung vụ án:

Anh Võ Thanh N và chị Dương Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh N và chị L không thực hiện quyền và nghĩa vụ của

vợ chồng, làm cho tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt từ năm 2013, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh N yêu cầu xin ly hôn với chị L phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Xét điều kiện hoàn cảnh hiện nay: Anh N là bộ đội thuộc Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Hà Tĩnh, công tác tại biên giới Lào, thường đi xa, từ khi vợ chồng ly thân con Võ Dương Bảo N chủ yếu ở với ông nội, tại đơn trình bày nguyện vọng của mình, cháu Võ Dương Bảo N có nguyện vọng được ở với bố. Chị L do điều kiện hoàn cảnh, hiện làm ăn xa, con trai Võ Dương Huy H chủ yếu sống với bà ngoại. Tại phiên toà, anh N đồng ý giao con Võ Dương Huy H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, giao anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Võ Dương Bảo N; giao chị Dương Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Võ Dương Huy H là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị L yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng anh N hoàn cảnh khó khăn không chấp nhận cấp dưỡng, con mỗi người nuôi một đứa, nên không có căn cứ chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn anh Võ Thanh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Võ Thanh N được ly hôn chị Dương Thị L.

2. Về nuôi con chung: Giao anh Võ Thanh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Võ Dương Bảo N, sinh ngày 23/5/2009; giao chị Dương Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Võ Dương Huy H, sinh ngày 03/10/2013. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Buộc anh Võ Thanh N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh Nam đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000852 ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDTPHT;
 - TAND Tỉnh HT;
 - T.H.A.D.S TPHT;
 - Các đương sự;
 - UBND phường H,
- Thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Trần Đức Chính